

# Biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn Bóng chuyền cho sinh viên Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Mai Thị Thủy

ThS. Trường ĐH Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Received: 10/10/2024; Accepted: 18/10/2024; Published: 29/10/2024

**Abstract:** Volleyball is a subject used in most elective Physical Education programs at universities in Vietnam. The purpose of this study is to improve the quality of training for students studying elective content in Physical Education module 4 - Volleyball at Hanoi University of Natural Resources and Environment. The research results were determined to improve the effectiveness of teaching and learning for students regarding prescribed physical activities. As a result, we present a number of groups of measures that are clearly effective compared to before conducting the research.

**Keywords:** Measures, improvement, Volleyball; student; Hanoi University of Natural Resources and Environment...

## 1. Đặt vấn đề

Bóng chuyền (BC) là một trong những môn thể thao quần chúng đang được phát triển rộng rãi và phổ biến trên toàn thế giới. Tuy gặp nhiều khó khăn và trải qua những bước thăng trầm của lịch sử đất nước, môn BC vẫn không ngừng được duy trì, củng cố và phát triển. Phong trào tập luyện BC ở Việt Nam đã phát triển rộng khắp. BC ngoài tác dụng nâng cao sức khỏe, phát triển các tố chất thể lực như: sức nhanh, sức mạnh, sức bền và sự khéo léo, thì nó còn rèn luyện và phát triển các kỹ năng (KN) sống cơ bản như: KN phối hợp, hợp tác, làm việc theo nhóm; KN làm chủ và hoàn thiện bản thân, tự tin, tích cực, sáng tạo, kiên trì, bền bỉ trong quá trình tập luyện và thi đấu.

Luyện tập và thi đấu BC là hoạt động toàn thân, không có chu kỳ; trong đó chủ yếu là bàn tay và cẳng tay tiếp xúc bóng, trong tập luyện và thi đấu thường xuyên có các tình huống khác nhau xảy ra và diễn biến liên tục.

Tại trường học các cấp thì môn BC được đưa vào giảng dạy làm môn thể thao tự chọn, ngoài mục đích tăng cường sức khỏe, hoàn thiện thể chất thì nó phù hợp với nhu cầu và sở thích của SV, từ đó phát huy được năng lực sở trường của các em. Đây cũng là cái nôi phát hiện tài năng BC, đóng góp cho phong trào thể thao của nhà trường và địa phương. Những năm gần đây, phong trào tập luyện môn BC của SV Trường Đại học TN & MT Hà Nội đã có bước phát triển, số lượng SV tham gia tập luyện, đăng ký học môn tự chọn BC tăng lên rất nhiều so với các môn

thể thao khác. Nhà trường cũng xây dựng được đội tuyển BC nam, nữ tham gia các giải SV ở Hà Nội, đã đạt được một số thành tích nhất định. Qua thời gian dài quan sát quá trình học tập luyện và thi đấu, chúng tôi nhận thấy còn nhiều yếu tố ảnh hưởng đến kết quả học tập, thi đấu như: CSVC, thể lực, thời gian, tính tự giác tích cực trong học tập, ý thức và tầm quan trọng của môn học...

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Các ảnh hưởng đến quá trình học tập môn BC của SV Trường Đại học TN & MT Hà Nội

#### 2.1.1. Cơ sở vật chất

CSVC phục vụ cho việc giảng dạy và học tập mặc dù đã được nhà trường hết sức quan tâm đầu tư và nâng cấp. Trên thực tế chưa đáp ứng về số lượng và chất lượng theo yêu cầu thực tế.

Bảng 2.1. Thực trạng CSVC phục vụ dạy học môn BC ở Trường Đại học TN&MT HN

TT	Vật chất bảo đảm	Số lượng	Chất liệu	Chất lượng		
				Tốt	TB	Kém
1	Sân BC	01	Sân nền xi măng		x	
2	BC	15	Bóng da		x	
3	Dụng cụ hỗ trợ	0				

Bảng 2.1 cho thấy: Với số lượng SV như hiện nay thì mức độ sử dụng quá cao dẫn đến sân bãi và CSVC còn nhiều hạn chế. Với 1 sân BC, chưa được đầu tư đầy đủ trang thiết bị phục vụ hỗ trợ. Điều này gây ảnh hưởng rất lớn đến chất lượng học tập và giảng dạy môn BC

#### 2.1.2. Đội ngũ cán bộ, GV bộ môn GDTC

Có thể nói đội ngũ GV là nhân tố nòng cốt quyết

định trực tiếp đến chất lượng môn BC cũng như khơi dậy tính tích cực, tự giác của SV. Đội ngũ GV bảo đảm cả về số lượng và chất lượng sẽ là nền tảng quyết định đến việc truyền thụ tri thức và các KN cần thiết trong quá trình SV học tập môn BC.

*Bảng 2.2. Thực trạng về đội ngũ giảng viên GDTC của nhà trường*

Tổng số CB-GV	Nam	Nữ	Tuổi đời		
			<30	30-50	>50
18	12	06	4	13	1

Bảng 2.2 cho thấy: Về tuổi đời, đội ngũ GV của bộ môn GDTC tương đối trẻ và chủ yếu nằm trong độ tuổi trung bình 30 - 50 tuổi. Ở độ tuổi này họ đã có sự tích lũy về kinh nghiệm trong công tác giảng, mang tính ổn định lâu dài. GV gồm 12 nam và 6 nữ. Đây là điều kiện rất thuận lợi cho công tác giảng dạy, nắm bắt và giúp đỡ SV trong học tập nội dung của bộ môn.

*Bảng 2.3: Kinh nghiệm giảng dạy*

Tổng số CB-GV	Kinh nghiệm giảng dạy		
	Trên 10 năm	Từ 5-10 năm	Dưới 5 năm
18	08	07	03

*Bảng 2.4. Thống kê chất lượng GV*

TT	Chuyên sâu	Số lượng	Trình độ chuyên môn	Ghi chú
1	Chuyên sâu BC	2	ThS	
2	Chuyên sâu bóng đá	1	ThS	
3	Các nội dung khác	15	ThS	

Bảng 2.3 cho thấy: Đa phần GV bộ môn GDTC đều có kinh nghiệm giảng dạy từ 5 năm trở lên, đây là nhân tố rất quan trọng, bảo đảm cả kiến thức, và khả năng nắm bắt tâm lý, khu biệt được đối tượng giáo dục. Chất lượng GV bộ môn GDTC nói chung và môn BC nói riêng đều là nguồn nhân lực chất lượng cao với 15 ThS, 1 TS. Đối với BC có 2 GV đều có trình độ ThS. Tuy vậy số lượng GV hiện tại đảm nhiệm môn BC còn khá mỏng, chưa đáp ứng được so với số lượng SV của nhà trường.

### 2.1.3. Chương trình môn học

Trong công tác GDTC ở trường học thì nội dung chương trình giảng dạy và PP giảng dạy rất quan trọng. Nội dung phong phú đa dạng và thích hợp sẽ thu hút và kích thích được SV tham gia vào các hoạt động thể thao một cách hứng khởi, tự giác. Chương trình môn BC của trường TN&MT HN đã được nghiên cứu và xây dựng khung chương trình, chuẩn đầu ra sao cho phù hợp với nhu cầu thiết yếu của SV, phát huy được chủ động của SV và đặc biệt phù hợp với điều kiện CSVC trang thiết bị của nhà trường.

*Bảng 2.5. Chương trình môn học BC của Trường ĐHTN&MT HN*

Nội dung	Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học	Kiểm tra
BC	30	4	24	30	02

Bảng 2.5 cho thấy được cấu trúc chương trình môn BC của Trường Đại học TN&MT HN gồm các phần SV tự học và KTĐG kết quả, thực hành, lý thuyết được phân bổ thời gian khá phù hợp. Môn học được triển khai vào học kỳ bốn của khóa học. Có thể thấy, số tiết của môn học chưa thực sự nhiều, quy đổi tín chỉ ít, điều này là một nguyên nhân cơ bản dẫn đến tâm lý chủ quan, thiếu chú trọng dẫn đến chưa tự giác, tích cực của SV khi tiếp cận môn học.

### 2.2. Đánh giá thực trạng về nhận thức học tập môn BC của SV Trường ĐHTN & MT Hà Nội

*Bảng 2.6. Nhận thức của SV Trường Đại học TN&MT HN về khái niệm, mục tiêu và sự cần thiết học tập môn BC (150 SV)*

Đánh giá	Khái niệm		Mục tiêu		Sự cần thiết	
	Số lượng	%	Số lượng	%	Số lượng	%
Đúng, đủ	35	23,3	42	28	69	46
Chưa đầy đủ	100	66,6	74	49,3	70	46,6
Không trả lời được	15	10,1	34	22,7	11	7,4
+	150	100	150	100	150	100

Kết quả cho thấy: Số SV nắm chắc môn học là gì chỉ chiếm 23,3%; trong khi đó số SV nắm chưa đầy đủ chiếm 66,6% và không trả lời được chiếm tỷ lệ 10,1%. Về mục tiêu môn học, có 28% số SV trả lời đầy đủ và chính xác. Có 49,3% SV trả lời chưa đầy đủ về mục tiêu môn học và có 22,7% không trả lời được. Về sự cần thiết của môn học, chiếm 46% cho rằng đây là môn học cần thiết; 46,6% SV cho rằng đây là môn học có hay không cũng được và có 7,4% không trả lời. Như vậy, qua kết quả điều tra cho thấy, trong tổng thể chương trình GDĐT của nhà trường, thì môn BC vẫn có vị trí, vai trò rất lớn đối với quá trình học tập và rèn luyện, vẫn nhận được sự quan tâm rất lớn của SV.

### 2.3. Biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn BC cho SV Trường Đại học TN & MT Hà Nội hiện nay

*Một là: Nhóm biện pháp nâng cao nhận thức về môn học BC cho SV*

Trong 6 môn thể thao tự chọn của chương trình GDTC4 gồm: BC, Bóng rổ, Bóng đá, Cầu lông, Aerobic, Đá cầu, thì trước khi lựa chọn môn học SV đã có quá trình tìm hiểu, tiếp cận hoặc tập luyện với môn học, tuy nhiên một số SV do một số yếu tố như: không tập môn nào trong 6 môn đó, tập theo nhóm bạn... nên việc nhận thức là vấn đề quan trọng, xuất phát điểm chi phối đến tâm lý của mỗi cá nhân. Đồng thời, nhận thức đúng sẽ thúc đẩy hành động đúng.

Tăng cường tuyên truyền vận động và giáo dục thực hiện các nội dung, yêu cầu, mục tiêu, quy định và các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn về công tác GDTC.

Tuyên truyền giáo dục có chủ đích nhằm tăng cường nhận thức, hứng thú, động cơ và thái độ đúng đắn đối với hoạt động học tập, phát triển phong trào ngoại khóa các hoạt động thi đấu, trò chơi vận động...

*Hai là: Nhóm biện pháp quản lý, nâng cao trình độ đội ngũ GV GDTC*

- Xây dựng đội ngũ GV môn GDTC: Lập kế hoạch dự báo số lượng SV và nhu cầu GV; đồng thời, phân công GV giảng dạy phù hợp với trình độ chuyên môn, đảm bảo dạy đủ, dạy đúng theo chương trình.

- Tổ chức bồi dưỡng nâng cao trình độ cho GV dạy môn GDTC. Thường xuyên khảo sát trình độ, năng lực của GV để lập kế hoạch bồi dưỡng với nhiều hình thức, nội dung phù hợp. Chú trọng công tác NCKH, đổi mới nội dung và PP dạy học.

*Ba là: Nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả giảng dạy môn BV nội khóa*

- Quản lý chặt chẽ việc thực hiện chương trình, quy chế, kế hoạch dạy học. Cần nắm vững nội dung, quy chế chuyên môn, khảo sát nhu cầu học tập của SV. Xây dựng kế hoạch hoạt động tổ chuyên môn. Tăng cường chỉ đạo, theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra GV trong việc thực hiện công tác chuyên môn.

- Tăng cường quản lý HĐDH của GV. Phát động, chỉ đạo phong trào thi đua thực hiện đổi mới và sử dụng linh hoạt các PP dạy học. Thực hiện có hệ thống, kế hoạch các chương trình GDTC nhà trường và ngoại khóa nhằm phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo và năng lực tự học, tự tập luyện của SV.

- Tăng cường công tác quản lý nhiệm vụ KTĐG công tác giảng dạy và học tập BC. Chuẩn bị hệ thống các tiêu chí phù hợp để đánh giá, xếp loại thành tích học tập của SV và năng lực của giảng viên để có các chế tài động viên, khích lệ phù hợp.

*Bốn là: Nhóm các biện pháp tổ chức hoạt động môn BC ngoại khóa*

Thực hiện điều tra, quản lý tình hình thể chất của SV. Xây dựng các tiêu chí đánh giá, triển khai rộng rãi và tổ chức điều tra thể chất SV để căn cứ đề ra và thực hiện các kế hoạch phát triển thể chất phù hợp. Hướng dẫn SV tự kiểm tra, đánh giá trình độ tập luyện. Tạo các điều kiện tối ưu để SV tham gia hoạt động ngoại khóa.

*Năm là: Nhóm các biện pháp quản lý CSVC - thiết bị dạy học và các điều kiện phục vụ công tác*

*giảng dạy và học tập môn BC cho SV Trường Đại học TN&MT Hà Nội*

- Tăng cường trang bị số lượng và chất lượng CSVC phục vụ công tác giảng dạy môn BC. Lập kế hoạch xây dựng, mua sắm, sửa chữa, bảo quản, sử dụng và khai thác hợp lý CSVC.

- Tạo môi trường, động lực cho việc dạy và học môn BC. Đảm bảo hệ thống sân bãi tập luyện sạch, đẹp, thoáng mát và an toàn. Tăng cường các chế độ chính sách phát triển các phong trào thể thao.

- Tăng cường phối hợp với các lực lượng trong và ngoài trường phục vụ công tác GDTC. Chỉ đạo phối hợp và phân công trách nhiệm cụ thể giữa Khoa với các phòng ban chức năng và các Hội, Đoàn thể trong việc thực hiện các kế hoạch liên quan đến giảng dạy và học tập môn BC cho SV. Tăng cường công tác thi đua khen thưởng. Lập các kế hoạch cụ thể bằng văn bản trong việc tổ chức, tuyên truyền, giáo dục, thực hiện thi đua, khen thưởng...

Đây là nhóm biện pháp quan trọng nhất, vì CSVC, thiết bị dạy học thực tế hiện tại chưa đảm bảo về số và chất lượng phục vụ cho giảng dạy BC cho SV của Trường Đại học TN&MT Hà Nội. Sau khi lựa chọn được các nhóm biện pháp, nghiên cứu tiến hành khảo nghiệm mức độ cần thiết và tính khả thi của các nhóm biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập môn BC cho SV Trường Đại học TN&MT Hà Nội. Qua nghiên cứu kết quả ở các phiếu điều tra, phỏng vấn lấy ý kiến các nhà quản lý, các chuyên gia, GV thu được 100% ý kiến đánh giá rất phù hợp và tính khả thi cao về các nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn BC cho SV của Trường Đại học TN&MT Hà Nội.

### 3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã lựa chọn được 5 nhóm biện pháp và thu được 100% ý kiến đánh giá rất phù hợp và tính khả thi cao về các nhóm biện pháp nâng cao hiệu quả học tập môn BC cho SV Trường Đại học TN&MT Hà Nội. Các nhóm biện pháp trên có mối quan hệ qua lại mật thiết và kết nối với nhau tạo nên sự thống nhất trong quá trình quản lý, thực hiện. Để đảm bảo hiệu quả thực tế, nghiên cứu khuyến nghị sử dụng đồng bộ, linh hoạt phù hợp với thực tế.

### Tài liệu tham khảo

[1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018) *Công văn 5512/BGDĐT - GDTrH về việc xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch GD của nhà trường*, Hà Nội

[2] Lưu Quang Hiệp, Phạm Thị Uyên (2017), *Sinh lý học TDTT*, NXB TDTT Hà Nội.

[3] Đinh Lãm, Xuân Ngà, Hữu Hùng, Nghiêm Thúc (1997), *Bóng chuyền*, NXBTDTT, Hà Nội.